

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/DS-ST
Ngày: 23/9/2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê C Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Bà Nguyễn Thị Thắm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Quách Thị Khuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 412/2024/QĐST-DS ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N; sinh năm 1963 và Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 1730/1, ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Văn P, sinh năm 2001; Địa chỉ: 197/57, Lưu Văn Viết, KP 1, Phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2024).

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị S, sinh năm 1966 và Ông Nguyễn Vũ C, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Số nhà 222/5, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông P có đơn xin vắng mặt; bà S và ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2024, bản tự khai ngày 19/3/2024 và các bản khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu Đ có đại diện theo ủy quyền ông Võ Văn P trình bày:**

Qua mối quan hệ quen biết làm ăn buôn bán nông sản tiêu hột giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu Đ (bà N và ông Đ) với vợ chồng ông Nguyễn Vũ C và bà Mai Thị S (ông C và bà S) nên từ tháng 11/2021 đến tháng 4 năm 2023 ông C và bà S có mượn của bà N và ông Đ rất nhiều tiêu hột và tiền, cụ thể như sau:

Ngày 29/11/2021 ông C và bà S viết giấy mượn tiêu để mượn 48.000kg tiêu hột (bốn mươi tám tấn) với thỏa thuận khi nào bà N và ông Đ bán sẽ hoàn trả lại số tiêu trên.

Ngày 13/12/2021 ông C và bà S trả lại cho bà N và ông Đ 13 tấn tiêu hột.

Ngày 07/8/2022 ông C và bà S trả cho bà N và ông Đ 17 tấn tiêu hột và còn nợ lại bà N và ông Đ 18 tấn tiêu hột.

Ngày 05/4/2022 ông C và bà S viết và ký giấy mượn tiền để mượn bà N và ông Đ số tiền mặt 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Ngày 12/10/2022 ông C và bà S trả số tiền mặt là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) còn nợ lại số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

Ngày 09/01/2023 ông C và bà S hỏi mượn bà N và ông Đ số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) nhưng bà N và ông Đ chưa chuẩn bị kịp nên bà N và ông Đ liên hệ vợ chồng bà Lê Minh H và ông Trần Minh C (bà H và ông C) mượn số tiền mặt là 150.000.000đ dùm cho ông C và bà S, hai bên không lập giấy mượn tiền.

Ngày 12/01/2023 ông C và bà S mượn thêm bà N và ông Đ 5 tấn tiêu hột như vậy tổng số tiêu vợ chồng ông C và bà S mượn bà N và ông Đ là 23 tấn và ông C và bà S viết giấy mượn tiêu để xác nhận lại số tiêu đã mượn, gồm: ngày 07/8/2022 mượn 10 tấn; ngày 9/10/2022 mượn 8 tấn; ngày 12/01/2023 mượn 5 tấn.

Tháng 03/2023 ông C và bà S hỏi mượn bà N và ông Đ thêm số tiền 200.000.000đ bà N và ông Đ liên hệ bà H và C để mượn số tiền 200.000.000đ cho vợ chồng ông C và bà S.

Ngày 11/3/2023 bà H và ông C đưa số tiền mặt 200.000.000đ cho ông C và bà S và để đảm bảo cho số tiền vay ông C và bà S đã viết giấy đặt cọc đất để thế chấp thửa đất số 717, tờ bản đồ số 6, diện tích 486,4m² tại xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 185346 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/10/2019 đứng tên bà S và bàn giao bản C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho bà H ông C cất giữ.

Ngày 14/04/2023 ông C và bà S mượn thêm chúng tôi số tiền mặt là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) hai bên không lập giấy mượn tiền.

Ngày 20/4/2023 ông C và bà S mượn thêm bà N và ông Đ số tiền mặt là 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) và viết giấy mượn tiền để xác nhận lại tổng số tiền ông C và bà S đã mượn của bà N và ông Đ là 950.000.000đ (*chín trăm năm mươi triệu đồng*), gồm: Ngày 5/4/2022 mượn 600.000.000đ (*sáu trăm triệu đồng*); ngày 14/4/2023 mượn 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*); ngày 20/4/2023 mượn 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*), đồng thời ông C và bà S đưa bà N và ông Đ giữ 02 (hai) bản C giấy nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo cho số tiền nợ 950.000.000đ, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 185347 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/10/2019 đứng tên bà S thuộc thửa đất số 716, tờ bản đồ số 6, diện tích 611,4m² tại xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 549182 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/11/2015 đứng tên ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị P, thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 36, diện tích 465,0m² tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi chốt lại tổng số tiêu hột mà ông C và bà S đã mượn của bà N và ông Đ là 23 tấn và số tiền mượn là 950.000.000đ thì bà N và ông Đ rất nhiều lần yêu cầu ông C và bà S trả lại cho bà N và ông Đ số tiêu và số tiền nợ còn thiếu nhưng ông C và bà S chỉ hứa cho qua chuyện, đưa ra rất nhiều lý do nhằm kéo dài thời gian. Sau rất nhiều lần bà N và ông Đ đến nhà yêu cầu ông C và bà S phải trả lại cho bà N và ông Đ số tiêu đã mượn là 23 tấn và số tiền mượn là 950.000.000đ thì ông C và bà S đã nhờ con ruột là chị Nguyễn Thị Lệ T và con rể là anh Trịnh Văn T (*chị TH và anh T*) đứng ra trả nợ thay bằng cách chuyển nhượng quyền sử dụng đất đổi với thửa đất số 685, tờ bản đồ số 17, diện tích 1293,5m² tại xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai hiện đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng để cản trừ bớt một phần nợ.

Ngày 05/6/2023 tại nhà ông C và bà S gồm có: Bà N và ông Đ, vợ chồng ông C và bà S cùng với vợ chồng chị TH và anh T đã thỏa thuận lập Hợp đồng mua bán đất trừ nợ để chốt lại số tiền của 23 tấn tiêu và số tiền 950.000.000đ mà ông C và bà S đã mượn, cùng với số tiền 350.000.000đ mà ông C và bà S đã nhờ bà N và ông Đ mượn của bà H và ông C trước đó. Theo đó số tiền 23 tấn tiêu hột trị giá là 1.806.000.000đ (*một tỷ tám trăm lẻ sáu triệu đồng*); tiền nợ mượn là 950.000.000đ (*chín trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lời 2 tháng là 34.000.000đ (*ba mươi bốn triệu đồng*).

Ông C và bà S định giá thửa đất 685, tờ bản đồ số 17 trị giá là 3.680.000.000đ (*ba tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng*), do thửa đất số 685, tờ bản đồ số 17, diện tích 1293,5m² tại xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai của bà TH và anh T đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng hiện còn nợ khoản vay khoảng 1.500.000.000đ (*một tỷ năm trăm triệu đồng*) nên không thể thực hiện việc sang tên cho bà N và ông Đ để cản trừ nợ nên vợ chồng ông C và bà S yêu cầu bà N và ông Đ phải bỏ ra số tiền 1.500.000.000đ cho ông C và bà S Mượn để giải chấp, xóa thế chấp đổi với thửa đất số 685, tờ bản đồ số 17. Do vậy tổng số tiền nợ mà vợ chồng ông C và bà S nợ bà N và ông Đ là 4.300.000.000đ (*bốn tỷ ba trăm triệu đồng*).

Ông C và bà S yêu cầu cần trừ số tiền 350.000.000đ đã mượn của bà H và ông C vào một phần giá trị thửa đất số đất số 685, tờ bản đồ số 17 và yêu cầu bà N và ông Đ có trách nhiệm trả lại cho bà H và ông C. Vì vậy sau khi trừ đi số tiền cần trừ thửa đất số 685, tờ bản đồ số 17 là 3.680.000.000đ thì ông C và bà S còn nợ lại bà N và ông Đ số tiền là 620.000.000đ (*sáu trăm hai mươi triệu đồng*). Ông C và bà S sẽ trả dần và trả lãi suất theo lãi suất ngân hàng vào ngày 05 hàng tháng là 7.000.000đ. Bà N và ông Đ sẽ giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 185346 thuộc thửa đất số 717, tờ bản đồ số 6, diện tích 486m², tại xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/10/2019 đứng tên bà Mai Thị S đến khi ông C và bà S trả hết số tiền nợ 620.000.000đ.

Ngày 08/06/2023 bà N và ông Đ ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để cần trừ nợ với bà TH và ông T đối với thửa đất số 685, tờ bản đồ số 17, diện tích 1293,5m² tại xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai do Văn phòng công chứng Kiêm Tân chứng nhận, số công chứng 2164 quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Bà N và ông Đ đã thực hiện việc sang tên để đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi chốt lại số tiền ông C và bà S còn nợ lại bà N và ông Đ là 620.000.000đ thì ông C và bà S chỉ trả lãi cho bà N và ông Đ được 3 tháng (*tháng 7/8/9 năm 2023*) là 21.000.000đ (*hai mươi một triệu đồng*) và ngưng từ đó cho đến nay. Bà N và ông Đ rất nhiều lần yêu cầu ông C và bà S trả lãi cho bà N và ông Đ và trả số tiền gốc còn thiếu là 620.000.000đ nhưng ông C và bà S chỉ hứa qua chuyện, tìm cách lẩn tránh làm ảnh hưởng đến quyền lợi C đáng của bà N và ông Đ.

Nay bà N và ông Đ buộc ông Nguyễn Vũ C và bà Mai Thị S phải trả cho bà N và ông Đ số tiền nợ gốc còn thiếu là 620.000.000đ (*sáu trăm hai mươi triệu đồng*). Bà N và ông Đ yêu cầu trả lãi suất từ ngày 05/10/2023 đến ngày 05/3/2024 là 81.314.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 701.314.000 đồng..

*** Bị đơn ông Nguyễn Vũ C và Bà Mai Thị S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông C và bà S không chấp hành và không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án.**

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- *Về tố tụng:* Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự đúng quy định, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng quy định;

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Vũ C và Bà Mai Thị S phải trả cho bà N, ông Đ số tiền nợ 701.314.000.000đ (Bảy trăm lẻ một triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng). Ông

Nguyễn Vũ C và Bà Mai Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Vũ C và Bà Mai Thị S có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 222/5, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà N; ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ 620.000.000 đ ngày 05/6/2023, và tính lãi suất số tiền vay 81.314.000 đồng đối với bị đơn ông C; bà S, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[1.3]. Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xác định bà N; ông Đ là nguyên đơn; Ông C; Bà S là bị đơn.

[1.4]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Ngày 21/8/2024, Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 42/2024/QĐXXST-DS, tại nhà ông Nguyễn Vũ C và Bà Mai Thị S, tại trụ sở UBND xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, thông báo cho ông C và bà S biết phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 06/9/2024 để tham gia phiên tòa, nhưng ông C; bà S vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 412/2024/QĐST-DS ngày 06/9/2024.

Ngày 06/9/2024, Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa (QĐ số 412/2024/QĐST-DS ngày 06/9/2024) tại nhà ông Nguyễn Vũ C và Bà Mai Thị S, tại trụ sở UBND xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, thông báo cho ông C; bà S biết phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 23/9/2024 để tham gia phiên tòa xét xử, nhưng ông C; bà S vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Vũ C và Bà Mai Thị S.

[2]. Về nội dung vụ án:

Sau khi chốt lại số tiền ông C và bà S còn nợ lại bà N và ông Đ là 620.000.000đ thì ông C và bà S chỉ trả lãi cho bà N và ông Đ được 3 tháng (*tháng 7/8/9 năm 2023*) là 21.000.000đ (*hai mươi một triệu đồng*) và ngưng từ đó cho đến nay. Bà N và ông Đ rất nhiều lần yêu cầu ông C và bà S trả lãi cho bà N và ông Đ

và trả số tiền gốc còn thiếu là 620.000.000đ nhưng ông C và bà S chỉ hứa cho qua chuyện, tìm cách lẩn tránh làm ảnh hưởng đến quyền lợi C đáng của bà N và ông Đ. Việc cho vay có làm giấy tay “Giấy mượn tiền” đề ngày 05/6/2023 được ông C; bà S ký tên xác nhận. Sau khi vay ông C; bà S không trả tiền lãi cho bà N; ông Đ theo như thỏa thuận dẫn đến tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N; ông Nguyễn Hữu Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông Nguyễn Vũ C; bà Mai Thị S, hội đồng xét xử nhận định:

Về tài liệu chứng cứ: Bà N; ông Đ xuất trình Ngày 05/6/2023 tại nhà ông C và bà S gồm có: Bà N và ông Đ, vợ chồng ông C và bà S cùng với vợ chồng chị TH và anh T đã thỏa thuận lập Hợp đồng mua bán đất trừ nợ để chốt lại số tiền của 23 tấn tiêu và số tiền 950.000.000đ mà ông C và bà S đã mượn, cùng với số tiền 350.000.000đ mà ông C và bà S đã nhờ bà N và ông Đ mượn của bà H và ông C trước đó. Theo đó số tiền 23 tấn tiêu hiện trị giá là 1.806.000.000đ (*một tỷ tám trăm lẻ sáu triệu đồng*); tiền nợ mượn là 950.000.000đ (*chín trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi 2 tháng là 34.000.000đ (*ba mươi bốn triệu đồng*).

Ông C và bà S định giá thửa đất 685, tờ bản đồ số 17 trị giá là 3.680.000.000đ (*ba tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng*), do thửa đất số 685, tờ bản đồ số 17, diện tích 1293,5m² tại xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai của bà T và anh T đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng hiện còn nợ khoản vay khoảng 1.500.000.000đ (*một tỷ năm trăm triệu đồng*) nên không thể thực hiện việc sang tên cho bà N và ông Đ để cân trừ nợ nên vợ chồng ông C và bà S yêu cầu bà N và ông Đ phải bỏ ra số tiền 1.500.000.000đ cho ông C và bà S Mượn để giải chấp, xóa thế chấp đối với thửa đất số 685, tờ bản đồ số 17. Do vậy tổng số tiền nợ mà vợ chồng ông C và bà S nợ bà N và ông Đ là 4.300.000.000đ (*bốn tỷ ba trăm triệu đồng*).

Ông C và bà S yêu cầu cân trừ số tiền 350.000.000đ đã mượn của bà H và ông C vào một phần giá trị thửa đất số đất số 685, tờ bản đồ số 17 và yêu cầu bà N và ông Đ có trách nhiệm trả lại cho bà H và ông C. Vì vậy sau khi trừ đi số tiền cân trừ thửa đất số 685, tờ bản đồ số 17 là 3.680.000.000đ thì ông C và bà S còn nợ lại bà N và ông Đ số tiền là 620.000.000đ (*sáu trăm hai mươi triệu đồng*). Ông C và bà S sẽ trả dần và trả lãi suất theo lãi suất ngân hàng vào ngày 05 hàng tháng là 7.000.000đ. Bà N và ông Đ sẽ giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 185346 thuộc thửa đất số 717, tờ bản đồ số 6, diện tích 486m², tại xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/10/2019 đứng tên bà Mai Thị S đến khi ông C và bà S trả hết số tiền nợ 620.000.000đ.

Ngày 08/06/2023 bà N và ông Đ ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để cân trừ nợ với bà TH và ông T đối với thửa đất số 685, tờ bản đồ số 17, diện tích 1293,5m² tại xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai do Văn phòng công chứng Kiệm Tân chứng nhận, số công chứng 2164 quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Bà N và ông Đ đã thực hiện việc sang tên để đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi chốt lại số tiền ông C và bà S còn nợ lại bà N và ông Đ là 620.000.000đ thì ông C và bà S chỉ trả lãi cho bà N và ông Đ được 3 tháng (*tháng 7/8/9 năm 2023*) là

21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) và ngưng từ đó cho đến nay. Bà N và ông Đ rất nhiều lần yêu cầu ông C và bà S trả lãi cho bà N và ông Đ và trả số tiền gốc còn thiếu là 620.000.000đ nhưng ông C và bà S chỉ hứa cho qua chuyện, tìm cách lẩn tránh làm ảnh hưởng đến quyền lợi C đáng của bà N và ông Đ. Điều đó cho thấy việc ông C; Bà S vay tiền của bà N; ông Đ là có thật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông C; bà S nhưng ông C; bà S không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nên hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở giải quyết vụ án.

Như nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N; ông Đ buộc ông C; bà S phải trả cho Bà N; ông Đ số tiền vay là 620.000.000 đ.

Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn:

“Giấy mượn tiền” lập có chữ ký hai bên, không thể hiện mức lãi suất cụ thể khi cho vay tiền, nhưng tại bản tự khai ông Võ Văn Phong (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) đã khai mức lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Theo quy định về mức lãi suất tại Điều 468 BLDS năm 2015 là 20%/năm tương đương 1,66%/tháng, ông Phong chỉ yêu cầu mức lãi suất áp dụng là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng để tính lãi cho số tiền vay 620.000.000 đ, thời gian nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày từ ngày 05/10/2023 đến ngày 05/3/2024, đối chiếu với mức lãi suất 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự xét thấy có lợi cho bị đơn và không trái với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau:

$620.000.000 \text{ đ} \times 1.13\% \times 05 \text{ tháng} = 35.000.000\text{đ}$ (Ba mươi lăm triệu đồng)

Lãi suất chậm trả từ ngày 05/6/2023 đến ngày 05/3/2024 là 09 tháng

$620.000.000 \text{ đ} \times 0.83\% \times 09 \text{ tháng} = 46.314.000\text{đ}$ (Bốn mươi sáu triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng)

Cộng vốn gốc và tiền lãi: $620.000.000\text{đ} + 81.314.000\text{đ} = 701.314.000\text{đ}$ Bảy trăm lẻ một triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng) Đây là số tiền cần buộc ông C; bà S trả cho bà N; ông Đ.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông C; bà S là người phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N; ông Đ nên Ông C; bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ông Đ; bà N là người cao tuổi nên miễn nộp tạm ứng án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều; 227; 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

2. **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N; ông Nguyễn Hữu Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Nguyễn Vũ C; Bà Nguyễn Thị S.

Xử buộc ông Nguyễn Vũ C; Bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Nguyễn Thị N; ông Nguyễn Hữu Đ số tiền nợ 701.314.000đ (Bảy trăm lẻ một triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng) trong đó tiền gốc 620.000.000đ; tiền lãi 81.314.000đ

3. **Về án phí:** Bà Mai Thị S và ông Nguyễn Vũ C phải nộp 32.052.560đ án phí dân sự sơ thẩm. Do ông C thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn $\frac{1}{2}$ án phí, bà S phải nộp $\frac{1}{2}$ án phí là 16.026.280 đ (mười sáu triệu hai sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật bà N; ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án ông C; bà S không trả cho bà N; ông Đ số tiền nêu trên thì hàng tháng ông C; bà S còn phải chịu thêm lãi chậm trả với lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn Vũ C và Bà Mai Thị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H. Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê C Ngọc Hà

